

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025
xã Phú Bình được Hội đồng nhân dân quyết định**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚ BÌNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 01/08/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc giao dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 11/08/2025 của HĐND xã Phú Bình về việc phân bổ ngân sách nhà nước xã Phú Bình năm 2025.

Theo đề nghị của phòng Kinh tế tại Tờ trình số 65/TTr-KT ngày 11/08/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2025 xã Phú Bình được Hội đồng nhân dân xã khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026 quyết định tại kỳ họp thứ hai.

(Có các biểu chi tiết kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử xã (công khai);
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Tạ Viết Thuật

Biểu số: 01

(Biểu số 81/CK-NSNN Thông tư
343/2016/TT-BTC)

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ PHÚ BÌNH NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số: 812/QĐ-UBND ngày 11/8/2025 của UBND Xã Phú Bình)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ghi Chú
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ	336.499	
I	Tổng thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	0	
1	Thu ngân sách xã hưởng 100%	0	
2	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia	0	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	336.499	
-	Bổ sung cân đối	43.205	
-	Bổ sung có mục tiêu	293.294	
III	Thu kết dư	0	
IV	Thu từ tiền bảo vệ lớp đất mặt		
V	Thu chuyển nguồn CCTL		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	336.499	
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	336.499	
1	Chi đầu tư phát triển từ nguồn ghi chi tiền sử dụng đất	158.493	
2	Chi đầu tư từ nguồn vốn trong nước	4.800	
3	Chi thường xuyên	172.698	
4	Dự phòng ngân sách	508	
II	Chi các chương trình mục tiêu	0	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	0	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0	

Biểu số: 02

(Biểu số 82/CK-NSNN Thông tư
343/2016/TT-BTC)

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ PHÚ BÌNH
NĂM 2025**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số: 812/QĐ-UBND ngày 11/8/2025 của UBND Xã Phú Bình)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
A	NGÂN SÁCH CẤP XÃ		
I	Nguồn thu ngân sách	336.499	
1	Thu Ngân sách xã hưởng theo phân cấp	0	
2	Thu bổ sung từ Ngân sách cấp trên	336.499	
-	<i>Bổ sung cân đối</i>	43.205	
-	<i>Bổ sung có mục tiêu</i>	293.294	
3	Thu kết dư		
II	Chi ngân sách	336.499	
1	Chi đầu tư phát triển từ nguồn tiền sử dụng đất	158.493	
2	Chi đầu tư từ nguồn vốn trong nước	4.800	
3	Chi thường xuyên	172.698	
	<i>Trong đó: - Chi sự nghiệp giáo dục & Đào tạo</i>	126.802	
	<i>- Chi thường xuyên còn lại</i>	45.896	
4	Dự phòng ngân sách	508	

Biểu số: 03

(Biểu số 83/CK-NSNN Thông tư
343/2016/TT-BTC)

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số: 812/QĐ-UBND ngày 11/8/2025 của UBND Xã Phú Bình)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ghi Chú
	TỔNG SỐ THU NSNN	283.663	
I	Thu nội địa	283.663	
1	Thu từ DN địa phương	350	
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	13.504	
3	Thuế thu nhập cá nhân	3.970	
4	Lệ phí trước bạ	12.000	
5	Thu phí, lệ phí	2.376	
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	440	
7	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	50.000	
8	Thu tiền sử dụng đất	188.309	
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	3.100	
10	Thu từ hoa lợi công ích	600	
11	Thu khác ngân sách	9.014	
II	Thu từ huy động đóng góp	0	

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ, CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU
CHI NĂM 2025**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số: 812/QĐ-UBND ngày 11/8/2025 của UBND Xã Phú Bình)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách xã	Trong đó	
			Số dự toán đã chi đến 30/06/2025	Số dự toán còn được sử dụng
A	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	336.499	187.152	149.348
I	Chi đầu tư phát triển	163.293	103.333	59.960
1	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	158.493	99.484	59.009
2	Chi đầu tư từ nguồn vốn trong nước	4.800	3.849	951
II	Chi thường xuyên	172.698	83.818,5	88.879,5
1	Chi quản lý hành chính	30.830,1	17.055,6	13.774,5
2	Chi sự nghiệp Giáo dục & Đào tạo	126.802,0	60.831,0	65.971,0
3	Sự nghiệp Văn hóa, thông tin	153,3	103,3	50,0
4	Sự nghiệp thể dục, thể thao	112,0	62,0	50,0
5	Sự nghiệp Truyền thanh - Truyền hình	50,0		50,0
6	Chi sự nghiệp y tế	1.254,5	255,5	999,0
7	Chi đảm bảo xã hội	5.510,1	606,1	4.904,0
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.924,0	1.194,0	730,0
9	Chi quốc phòng	3.105,3	2.238,3	867,0
10	Chi an ninh	2.436,7	1.472,7	964,0
11	Chi khác ngân sách	520,0		520,0
III	Dự phòng ngân sách	508	0	508
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	0	0	0
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0	0	0

Biểu số: 05

(Biểu số 85/CK-NSNN Thông tư
343/2016/TT-BTC)

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số: 812/QĐ-UBND ngày 11/8/2025 của UBND Xã Phú Bình)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	336.499,0	
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	0,0	
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	336.499,0	
	<i>Trong đó:</i>		
I	Chi đầu tư phát triển	163.293,0	
1	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	158.493,0	
2	Chi đầu tư từ nguồn vốn trong nước	4.800,0	
II	Chi thường xuyên	172.698,0	
	<i>Trong đó:</i>		
1	Chi quản lý hành chính	30.830,1	
2	Chi sự nghiệp Giáo dục & Đào tạo	126.802,0	
3	Sự nghiệp Văn hóa, thông tin	153,3	
4	Sự nghiệp thể dục, thể thao	112,0	
5	Sự nghiệp Truyền thanh - Truyền hình	50,0	
6	Chi sự nghiệp y tế	1.254,5	
7	Chi đảm bảo xã hội	5.510,1	
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.924,0	
9	Chi quốc phòng	3.105,3	
10	Chi an ninh	2.436,7	
11	Chi khác ngân sách	520,0	
III	Chi dự phòng ngân sách	508,0	

Biểu số: 06

(Biểu số 86/CK-NSNN Thông tư
343/2016/TT-BTC)

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số: 812/QĐ-UBND ngày 11/8/2025 của UBND Xã Phú Bình)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYỀN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	172.048,0	0,0	172.048,0						
A	KHỐI ĐƠN VỊ THUỘC XÃ	47.403,7	0,0	47.403,7						
1	Văn phòng Đảng Ủy	4.308,0		4.308						
2	Trung Tâm chính trị	927,7		927,7						
3	UBMT Tổ quốc	2.201,0		2.201,0						
4	Văn phòng HĐND & UBND	31.015,0		31.015,0						
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	6.226,0		6.226,0						
6	Phòng Kinh tế	1.135,0		1.135,0						
7	Trung tâm phục vụ hành chính công	761,0		761,0						
8	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	830,0		830,0						
B	KHỐI TRƯỜNG HỌC	124.644,3		124.644,3						
I	KHỐI TRƯỜNG MẦM NON	40.661,6		40.661,6						

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ (KHÔNG KÈ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYỀN (KHÔNG KÈ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG G XUYỀN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Bảo Lý	7.435,8		7.435,8						
2	Hương Sơn	10.466,3		10.466,3						
3	Xuân Phương	7.739,6		7.739,6						
4	Úc Kỳ	6.927,6		6.927,6						
5	Nhã Lộng	8.092,3		8.092,3						
II	KHỐI TRƯỞNG TIỂU HỌC	44.897,4		44.897,4						
1	Bảo Lý	7.791,7		7.791,7						
2	Hương Sơn	11.778,2		11.778,2						
3	Xuân Phương	9.319,3		9.319,3						
4	Úc Kỳ	7.169,7		7.169,7						
5	Nhã Lộng	8.838,5		8.838,5						
III	KHỐI TRƯỞNG THCS	39.085,3		39.085,3						
1	Bảo Lý	6.713,7		6.713,7						
2	Hương Sơn	11.565,8		11.565,8						
3	Xuân Phương	7.147,0		7.147,0						
4	Úc Kỳ	6.776,6		6.776,6						
5	Nhã Lộng	6.882,2		6.882,2						

Biểu số: 09

(Biểu số 88/CK-NSNN Thông tư 343/2016/TT-BTC)

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số: 812/QĐ-UBND ngày 11/8/2025 của UBND Xã Phú Bình)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ĐƠN VỊ: UBND THỊ XÃ																	
ST T	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ											CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	DỰ PHÒNG NS, CHI KHÁC, CCTL	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DAY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG G	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ						
											CHI GIAO THÔNG G	CHI NÔNG NGHỆ, LÂM NGHỆ, THỦY LỢI, THỦY SẢN					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
	TỔNG CỘNG	172.048,0	126.802,0	0,0	1.254,5	153,3	50,0	112,0	0,0	1.924,0	0,0	0,0	30.700,1	5.542,0	0,0	5.510,1	
A	KHỐI ĐƠN VỊ THUỘC	47.403,7	2.157,7	0,0	1.254,5	153,3	50,0	112,0	0,0	1.924,0	0,0	0,0	30.700,1	5.542,0	0,0	5.510,1	
1	Văn phòng Đảng ủy	4.308,0											4.308,0				
2	Trung tâm Chính trị	927,7	927,7														
3	UBMT Tổ quốc	2.201,0											2.201,0				
4	Văn phòng HĐND & UBND	31.015,0	1.230,0		474,5	103,3	0,0	62,0		1.194,0			21.315,1	5.542,0		1.094,1	
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	6.226,0			780,0								1.030,0			4.416,0	
6	Phòng Kinh tế	1.135,0								100,0			1.035,0				
7	Trung tâm phục vụ hành chính công	761,0											761,0				
8	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	830,0				50,0	50,0	50,0		630,0			50,0				
B	KHỐI TRƯỜNG HỌC	124.644,3	124.644,3														

ST T	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ														CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	DỰ PHÒNG NS, CHI KHÁC, CCCTL	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DAY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ									
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN								
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15				
I	KHOÍ TRƯỜNG MẦM NON	40.661,6	40.661,6																	
1	Bảo Lý	7.435,8	7.435,8																	
2	Hương Sơn	10.466,3	10.466,3																	
3	Xuân Phương	7.739,6	7.739,6																	
4	Úc Kỳ	6.927,6	6.927,6																	
5	Nhã Lộng	8.092,3	8.092,3																	
II	KHOÍ TRƯỜNG TIỂU HỌC	44.897,4	44.897,4																	
1	Bảo Lý	7.791,7	7.791,7																	
2	Hương Sơn	11.778,2	11.778,2																	
3	Xuân Phương	9.319,3	9.319,3																	
4	Úc Kỳ	7.169,7	7.169,7																	
5	Nhã Lộng	8.838,5	8.838,5																	
III	KHOÍ TRƯỜNG THCS	39.085,3	39.085,3																	
1	Bảo Lý	6.713,7	6.713,7																	
2	Hương Sơn	11.565,8	11.565,8																	
3	Xuân Phương	7.147,0	7.147,0																	
4	Úc Kỳ	6.776,6	6.776,6																	
5	Nhã Lộng	6.882,2	6.882,2																	

PHỤ BIỂU 10
CÔNG KHAI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CỦA XÃ PHÚ BÌNH
 (Kèm theo Quyết định số: 812/QĐ-UBND ngày 11/8/2025 của UBND Xã Phú Bình)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đanh mục chương trình, nhiệm vụ, dự án	QĐ phê duyệt dự án/QĐ phê duyệt quyết toán										Trong đó:			Số vốn năm 2025 giải ngân đến 30/6/2025	Số vốn còn lại năm 2025 chuyển giao cho đơn vị mới tiếp tục giải ngân	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Trong đó:			Số vốn kéo dài giải ngân đến 30/6/2025	Số vốn kéo dài chuyển giao cho đơn vị mới tiếp tục giải ngân từ 01/7/2025	Chủ đầu tư
		Trong đó				Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:																
		Số, ngày tháng năm (ghi đầy đủ cả NQ, QĐ ban đầu và điều chỉnh)	Tổng mức đầu tư/giá trị quyết toán	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện (nay là ngân sách xã)		Ngân sách xã	Vốn khác	Mã 42 (Kế dư ngân sách, vượt thu)	Mã 43 (NSTW, XDCB tập trung cấp tỉnh, xi măng tính hỗ trợ)	Mã 44 (tiền đất cấp tỉnh, tiền đất cấp huyện, tiền đất cấp xã)												
1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13	14	15=16+17	16	17	18	19	20				
	TỔNG CỘNG		939.547	24.071	846.607	50	0	260.262	79.097	4.800	176.365	105.157	155.105	4.800	2.800	2.000	3.849	951					
I	Các dự án do Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện chuyển về xã Phú Bình		926.102	24.071	833.162	50	0	255.279	74.114	4.800	176.365	100.174	155.105	4.800	2.800	2.000	3.849	951					
a	Đã quyết toán		35.263	1.700	33.513	50	0	4.298	957	800	2.541	4.089	209	0	0	0	0	0					
1	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng trường Tiểu học Úc Kỳ, huyện Phú Bình	9931/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	5.560		5.510	50		419			419	419	0					0	UBND xã Phú Bình				
2	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Tiểu học Xuân Phương	3234/QĐ-UBND ngày 24/8/2024	3.700		3.700			1.630			1.630	1.513	117					0	UBND xã Phú Bình				
3	Cai tạo, mở rộng tuyến đường huyện ĐH45 đoạn từ UBND xã Xuân Phương đến nghĩa trang xã Xuân Phương	3182/QĐ-UBND ngày 16/8/2024	2.098	1.700	398			1.150		800	350	1.097	53					0	UBND xã Phú Bình				
4	Đường trục xã, liên xã xã Xuân Phương, Hạng mục: Đoạn từ nghĩa trang UBND xã đến dốc Mái Trại xóm Núi xã Xuân Phương	1402/QĐ-UBND ngày 22/3/2018	2.319		2.319			198	56		142	198	0					0	UBND xã Phú Bình				
5	Cầu Mỹ Sơn thị trấn Hương Sơn huyện Phú Bình	5643/QĐ-UBND ngày 8/12/2020	6.707		6.707			468	468			468	0					0	UBND xã Phú Bình				
6	Đường trục xã, liên xã xã Xuân Phương, Hạng mục: Đoạn từ dốc Mái Trại xóm Núi xã Xuân Phương	6939/QĐ-UBND ngày 12/12/2018	1.930		1.930			57	57			57	0					0	UBND xã Phú Bình				
7	Trụ sở làm việc HĐND và UBND huyện Phú Bình	3835/QĐ-UBND ngày 7/6/2021	12.949		12.949			376	376			337	39					0	UBND xã Phú Bình				
b	Đã hoàn thành chưa quyết toán		76.577	3.327	73.250	0	0	0	0	0	0	0	0	2.000	0	2.000	1.191	809					

STT	Đanh mục chương trình, nhiệm vụ, dự án	Số; ngày tháng năm (ghi đầy đủ cả NQ, QĐ ban đầu và điều chỉnh)	Tổng mức đầu tư/gia trị quyết toán	Trong đó				Mã 42 (Kế dư ngân sách, vạcr thu)	Mã 43 (NSTW, XDCB tập trung cấp tỉnh, xi mung tỉnh hỗ trợ)	Mã 44 (tiền đất cấp tỉnh, tiền đất cấp huyện, tiền đất cấp huyện hỗ trợ về xã)	Số vốn năm 2025 giải ngân đến 30/6/2025	Số vốn còn lại năm 2025 chuyển giao cho đơn vị mới tiếp tục giải ngân	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Mã 43 (NSTW, XDCB tập trung cấp tỉnh, xi mung tỉnh hỗ trợ)	Mã 44 (tiền đất cấp tỉnh, tiền đất cấp huyện, tiền đất cấp huyện hỗ trợ về xã)	Số vốn kéo dài giải ngân đến 30/6/2025	Số vốn kéo dài chuyển giao cho đơn vị mới tiếp tục giải ngân từ 01/7/2025	Chú đầu tư
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện (nay là ngân sách xã)	Ngân sách xã	Vốn khác											
8	Quảng trường Trung tâm huyện Phú Bình.	2669/QĐ-UBND ngày 02/8/2023	76.577	3.327	73.250			0				0	2.000		2.000	1.191	809	UBND xã Phú Bình
c	* Dự án hoàn thành trong năm 2025		245.329	15.544	229.785	0	0	78.739	4.000	46.582	20.883	57.856	2.800		0	2.658	142	
9	Sửa chữa, chỉnh trang vỉa hè dọc trục đường QL.37 qua thị trấn Hương Sơn, xã Xuân Phương, xã Nhã Lộng, xã Diễm Thụy	3911/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	14.950	6.500	8.450			7.100	4.000	3.100	5.313	1.787					0	UBND xã Phú Bình
10	Cầu La Mìn xã Nhã Lộng	4967/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	3.000	3.000	0			0				0	2.800			2.658	142	UBND xã Phú Bình
11	Cải tạo, mở rộng đường, rãnh thoát nước, vỉa hè khu vực trung tâm xã Bảo Lý	3731/QĐ-UBND ngày 19/9/2024	2.750	700	2.050			1.550		1.550	1.297	253					0	UBND xã Phú Bình
12	Khu đô thị số 2B thị trấn Hương Sơn	Số 1650/QĐ-UBND ngày 23/5/2023	47.824		47.824			850		850	850	0					0	UBND xã Phú Bình
13	Điện chiếu sáng đoạn từ Cầu Mây đi Bảo Lý	QĐ số 1681/QĐ-UBND ngày 19/3/2025 của UBND huyện	1.300		1.300			1.200		1.200	1.127	73					0	UBND xã Phú Bình
14	Khu đô thị số 9, thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	Số 2307/QĐ-UBND ngày 03/6/2022	170.705	5.344	165.361			64.039	28.157	35.882	12.056	51.983					0	UBND xã Phú Bình
15	Lát vỉa hè, điện chiếu sáng tuyến đường ĐT269B đoạn thuộc địa phận thị trấn Hương Sơn	QĐ số 2121/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND huyện	4.800		4.800			4.000		4.000	240	3.760					0	UBND xã Phú Bình
d	* Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030		568.933	3.500	496.614	0	0	172.242	45.000	127.242	75.202	97.040	0		0	0	0	
16	Khu dân cư Ngọc Xuân, xóm Kiều Chính xã Xuân Phương huyện Phú Bình	Số 2254/QĐ-UBND ngày 12/7/2023	127.242		127.242			6.370		6.370	60	6.310					0	UBND xã Phú Bình

STT	Danh mục chương trình, nhiệm vụ, dự án	Số, ngày tháng năm (ghi đầy đủ cả NQ, QĐ ban đầu và điều chỉnh)	Tổng mức đầu tư/giá trị quyết toán	Trong đó				Mã 42 (Kế dự toán ngân sách, vượt thu)	Mã 43 (NSTW, XDCB tập trung cấp tỉnh, xi măng tỉnh hỗ trợ)	Mã 44 (tiền đất cấp tỉnh, tiền đất cấp huyện, tiền đất cấp huyện hỗ trợ về xã)	Số vốn năm 2025 giải ngân đến 30/6/2025	Số vốn còn lại năm 2025 chuyển giao cho đơn vị mới tiếp tục giải ngân	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Mã 43 (NSTW, XDCB tập trung cấp tỉnh, xi măng tỉnh hỗ trợ)	Mã 44 (tiền đất cấp tỉnh, tiền đất cấp huyện, tiền đất cấp huyện hỗ trợ về xã)	Số vốn năm 2025 giải ngân đến 30/6/2025	Số vốn kéo dài giải ngân đến 30/6/2025	Số vốn kéo dài chuyển giao cho đơn vị mới tiếp tục giải ngân từ 01/7/2025	Chủ đầu tư
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện (nay là ngân sách xã)	Ngân sách xã	Vốn khác												
17	Tuyến đường kết nối vành đai 5 với Quốc lộ 37	1913/QĐ-UBND ngày 31/3/2025	290.000		290.000			90.000	35.000	55.000	53.882	36.118						0	UBND xã Phú Bình
18	Sửa chữa, cải tạo tuyến đường ĐT.269C (đoạn từ Km2+100 đến Km7+900)	QĐ số 2096/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND huyện	55.000	3.500	51.500			48.000		48.000	20.987	27.013						0	UBND xã Phú Bình
19	Khu tái định cư Hương Sơn (giai đoạn 1)	số 1683/QĐ-UBND, ngày 20/3/2025	96.691		27.872			27.872	10.000	17.872	273	27.599							UBND xã Phú Bình
II	Các dự án do của các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện chuyển về xã Phú Bình		13.445	0	13.445	0	0	4.983	4.983	0	4.983	0	0	0	0	0	0	0	
a	Dã hoàn thành chưa quyết toán		13.297	0	13.297	0	0	4.835	4.835	0	4.835	0	0	0	0	0	0	0	
19	Cải tạo, nâng cấp đền thờ các anh hùng liệt sĩ huyện Phú Bình. HM: Xây mới nhà đón tiếp, tường rào; cải tạo nâng cấp sân bậc cấp	6505/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện Phú Bình	4.150		4.150			3.039	3.039		3.039	0						0	UBND xã Phú Bình
20	Quy hoạch chi tiết khu đô thị số 12 thị trấn Hương Sơn	3126/QĐ-UBND ngày 10/7/2020	614		614			125	125		125	0						0	UBND xã Phú Bình
21	Quy hoạch chi tiết khu đô thị Hoà Bình thị trấn Hương Sơn	3129/QĐ-UBND ngày 10/7/2020	1.323		1.323			230	230		230	0						0	UBND xã Phú Bình
22	Quy hoạch chi tiết khu dân cư số 4 xã Xuân Phương	2413/QĐ-UBND ngày 20/6/2022	850		850			120	120		120	0						0	UBND xã Phú Bình
23	Lập điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Hương Sơn đến năm 2035	8241/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	3.112		3.112			820	820		820	0						0	UBND xã Phú Bình
24	Quy hoạch chi tiết khu đô thị số 2B thị trấn Hương Sơn	5503/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	510		510			115	115		115	0						0	UBND xã Phú Bình
25	Lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Bình	1207/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	2.400		2.400			96	96		96	0						0	UBND xã Phú Bình

STT	Danh mục chương trình, nhiệm vụ, dự án	Số; ngày tháng năm (ghi đầy đủ cả NQ, QĐ ban đầu và điều chỉnh)	Tổng mức đầu tư/giá trị quyết toán	Trong đó				Kế hoạch vốn năm 2025	Mã 42 (Kế dư ngân sách, vượt thu)	Mã 43 (NSTW, XDCB tập trung cấp tỉnh, xã mường tính hỗ trợ)	Mã 44 (tiền đất cấp tỉnh, tiền đất cấp huyện, tiền đất cấp huyện hỗ trợ về xã)	Số vốn năm 2025 giải ngân đến 30/6/2025	Số vốn còn lại năm 2025 chuyển giao cho đơn vị mới tiếp tục giải ngân	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Mã 43 (NSTW, XDCB tập trung cấp tỉnh, xã mường tính hỗ trợ)	Mã 44 (tiền đất cấp tỉnh, tiền đất cấp huyện, tiền đất cấp huyện hỗ trợ về xã)	Số vốn kéo dài giải ngân đến 30/6/2025	Số vốn kéo dài chuyển giao cho đơn vị mới tiếp tục giải ngân từ 01/7/2025	Chủ đầu tư
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện (nay là ngân sách xã)	Ngân sách xã	Vốn khác												
26	Khu đô thị Cầu Cỏ thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	831/QĐ-UBND ngày 27/02/2018	338		338			290	290			290	0					0	UBND xã Phú Bình
<i>b</i>	<i>* Hoàn thành trong năm 2025:</i>		<i>148</i>	<i>0</i>	<i>148</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>148</i>	<i>148</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>148</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
27	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết khu đô thị Kiểu mẫu Phú Bình	QĐ số 5125/QĐ-UBND ngày 23/12/2024	148		148			148	148			148	0					0	UBND xã Phú Bình